

Số: 3053 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 22 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) thuộc Tiểu hợp phần 3.1, dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 về một số chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu; số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 20/2023/NĐ-CP ngày 04/5/2023 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Hiệp định số 6079-VN ngày 03/8/2018 giữa Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Ngân hàng hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1249/QĐ-TTg, ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển (FMCR) do WB tài trợ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 về phê duyệt đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số

288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 2198/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/6/2019 về phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh đầu tư dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024 về điều chỉnh Quyết định số 2198/QĐ-BNN-KH ngày 13/6/2019, Quyết định số 2796/QĐ-BNN-KH ngày 12/7/2023 về phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển; số 1130/QĐ-BNN-KH Ngày 19/4/2024 về phê duyệt kế hoạch thực hiện năm 2024 dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển;

Căn cứ Quyết định số 4848/QĐ-UBND, ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh về giao dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2024, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; số 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; số 1752/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 về phê duyệt, điều chỉnh dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 987/QĐ-UBND ngày 23/3/2020; số 2462/QĐ-UBND ngày 14/6/2024 về phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch đầu tư tổng thể và kế hoạch hoạt động năm 2020, kế hoạch hoạt động năm 2024 của dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa; số 1853/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về phê duyệt kết quả xây dựng dữ liệu, bản đồ hiện trạng rừng và bản đồ đầu tư Lâm nghiệp các xã vùng dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thư không phản đối của Nhà tài trợ WB ngày 09/11/2022 và các văn bản của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 1571/DALN-FMCR ngày 11/11/2022 về việc thống nhất EOI các gói sinh kế thuộc Tiểu HP 3.1 dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa; số 729/DALN-FMCR ngày 06/6/2023 về việc trả lời Văn bản số 84/FMCR-KH ngày 30/5/2023 của Ban Quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 4574/TTr-SKHĐT ngày 09/7/2024; của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 201/TTr-SNN&PTNT ngày 23/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) thuộc Tiểu hợp phần 3.1, dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa

ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.
2. Tên Tiểu hợp phần 3.1: Các gói đầu tư tạo ra lợi ích từ rừng ven biển.
3. Chủ dự án: UBND tỉnh Thanh Hoá.
4. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá.
5. Danh mục đầu tư các gói đầu tư tạo lợi ích cho nhóm cộng đồng từ rừng ven biển (sinh kế) gồm 13 (mười ba) gói đầu tư.
6. Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn 13 xã thuộc các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa; thị xã Nghi Sơn và thành phố Sầm Sơn.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh.
8. Tổng mức đầu tư: Không quá 2.877,992 triệu đồng.
9. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT (chủ đầu tư dự án thành phần)

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) đảm bảo đúng tiến độ, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; sử dụng hiệu quả, đúng quy định đối với kinh phí, nguồn vốn đầu tư theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ và các nội dung hiệp định tài trợ đã ký kết; đảm bảo phù hợp với kế hoạch hoạt động của dự án và quản lý, sử dụng nguồn vốn, thanh quyết toán kinh phí đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán,...) và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về hiệu quả của các gói đầu tư; về tính chính xác, sự phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật liên quan đến thông tin, số liệu, tài liệu đề nghị thẩm định, phê duyệt danh mục các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) thuộc Tiểu hợp phần 3.1, dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa được ban hành kèm theo Tờ trình số 231/TTr-SNN&PTNT ngày 24/6/2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm theo dõi, phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa triển khai thực hiện các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) thuộc Tiểu hợp phần 3.1, dự án thành

phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa được phê duyệt; đảm bảo đúng tiến độ, nội dung và phù hợp với các quy định về quản lý tài chính, nguồn vốn dự án và các quy định khác của pháp luật liên quan; kịp thời phát hiện những thiếu sót, vi phạm (nếu có) liên quan đến việc triển khai, tổ chức thực hiện các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) và các vấn đề khác liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, để kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ và tài liệu, số liệu liên quan đến nội dung tham mưu, thẩm định danh mục các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) thuộc Tiểu hợp phần 3.1, dự án thành phần thuộc dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa.

3. UBND các huyện: Hoằng Hóa, Hậu Lộc, Nga Sơn, UBND thị xã Nghi Sơn, UBND thành phố Sầm Sơn có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT, Ban quản lý dự án FMCR tỉnh Thanh Hóa tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc trình tự, thủ tục để thực hiện hoàn thành các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế) được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo kịp thời Chủ tịch UBND tỉnh những vướng mắc, phát sinh và những nội dung vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, Chủ tịch UBND thành phố Sầm Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, Quyết định;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đề b/cáo);
- Ban QL các DA Lâm nghiệp-Bộ NN&PTNT;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC37.07.24)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
DANH MỤC

**Đầu tư các gói đầu tư tạo lợi ích từ rừng ven biển (sinh kế), dự án thành phần thuộc dự án
Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

TT	Địa điểm	Tên gói đầu tư	Điểm chấm	Xếp hạng ưu tiên	Tổng mức dự kiến (Ngân sách tỉnh)
1	Xã Đa Lộc	Nuôi Ong Đa Lộc	98,50/100	Thứ 1	226.000.000
2	Hoàng Châu	Sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ	97,40/100	Thứ 2	220.000.000
3	Nga Tân	Nuôi cua càng xanh	97,20/100	Thứ 3	220.000.000
4	Nga Thủy	Nuôi tôm thẻ chân trắng	97,00/100	Thứ 4	220.000.000
5	Hải Châu	Nuôi tôm chân trắng	96,70/100	Thứ 5	220.000.000
6	Tân Dân	Sản xuất măng tây theo hướng hữu cơ	95,30/100	Thứ 6	220.000.000
7	Hải Lĩnh	Trồng hoa Hải Lĩnh	94,90/100	Thứ 7	220.000.000
8	Trường Sơn	Nuôi chim bồ câu	94,60/100	Thứ 8	220.000.000
9	Hoàng Yên	Nuôi tôm thẻ chân trắng	91,30/100	Thứ 9	220.000.000
10	Hải Lộc	Nuôi tôm sú xen ghép cua xanh	91,10/100	Thứ 10	222.992.000
11	Minh Lộc	Nuôi tôm thẻ chân trắng	91,00/100	Thứ 11	229.000.000
12	Hoảng Phụ	Nuôi tôm thẻ chân trắng	90,20/100	Thứ 12	220.000.000
13	Hưng Lộc	Nuôi gà đẹt sinh học	90,10/100	Thứ 13	220.000.000
TỔNG CỘNG					2.877.992.000